

Bản án số: 17/2024/HC - PT

Ngày: 22/01/2024

*“V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hợp**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Việt Cường**

Ông **Phùng Anh Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Xuân Lộc** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 249/2023/TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc *“Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”*. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2023/HC-ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 503/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Đinh X và bà Trần Thị P. Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Ông X có mặt, bà P vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông X: Ông Đinh Duy K. Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- Người bị kiện: UBND huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Đinh Minh T – Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ UBND xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

+ Ông Đinh T1, bà Đinh Thị Lưu. Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Thanh H. Địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, người khởi kiện ông Đinh X và bà Trần Thị P trình bày:

Năm 2000, ông bà có hiến đất tại Đ cho xã làm đường nông thôn, nên gia đình ông được thôn V, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình lấy đất 5% dự phòng của xã và thôn V, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình cấp cho gia đình ông và gia đình ông Đinh D tại thửa đất số 284 tờ bản đồ số 17 tại thôn V, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình. Gia đình ông X và hộ gia đình ông D đã trực tiếp sản xuất nông nghiệp từ đó cho đến nay không có tranh chấp với hội gia đình nào cả. Năm 2020 khi gia đình ông X và hộ gia đình ông D làm thủ tục xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới phát hiện thửa đất mà gia đình ông X và hộ gia đình ông Đinh D đang trực tiếp sử dụng và sản xuất nông nghiệp đã bị Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình cấp cho hộ gia đình ông Đinh T1 và bà Đinh Thị Lưu thường t cùng thôn V, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Thửa đất số: 284; Diện tích: 755 m²; Loại đất: BHK; địa chỉ thửa đất: Thôn V, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình đã được tách thành hai thửa đất theo hiện trạng sử dụng của hai hộ:

Thửa đất số: 284; Tờ bản đồ số: 17; diện tích: 405,8 m²; Loại đất: BHK do hộ gia đình ông Đinh X và bà Trần Thị P đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp; Thửa đất số: 287; Tờ bản đồ số: 17; diện tích: 306,6 m²; Loại đất: BHK do hộ gia đình ông Đinh D và bà Đinh Thị T2 đang sử dụng để sản xuất nông nghiệp; Hiện tại trên thửa đất gia đình ông đang canh tác trồng ngô (bắp), việc canh tác trên thửa đất đó hơn 20 năm nay nhưng gia đình ông T1, bà Lưu k có ý kiến gì. Vì vậy, ông X bà P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AI 699383 đứng tên ông Đinh T1 và bà Đinh Thị L do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 02/11/2007 tại thửa đất số 284, tờ bản đồ 17 xã H, huyện M.

** Người bị kiện UBND huyện M trình bày tại Công văn số 51/TNMT ngày 23/12/2022 và Văn bản số 465/UBND-TNMT ngày 06/6/2023:*

Thứ nhất, về nguồn gốc thửa đất: Thực hiện Nghị định 64-CP ngày 27/9/1995 của Chính phủ, năm 1995 hộ gia đình ông Đinh T1 và bà Đinh Thị L có địa chỉ thôn V được giao đất sản xuất nông nghiệp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó có thửa đất hiện đang tranh chấp (thửa đất được cấp Giấy chứng nhận có số phát hành D 0541071, sổ vào sổ 638, cấp ngày

26/9/1995). Thửa đất có nguồn gốc được giao theo Nghị định 64-CP, thời điểm giao đất, cấp Giấy chứng nhận QSD đất năm 1995.

Thứ hai, về cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất: Năm 2007, thực hiện đo vẽ lại bản đồ địa chính thửa đất được đo vẽ lại theo bản đồ mới có số thửa 284, tờ bản đồ số 17, diện tích 755 m², mục đích sử dụng: Đất sản xuất nông nghiệp (đất bằng trồng cây hàng năm khác, BHK). Ngày 29/4/2007, hộ gia đình ông Đình T1 và bà Đình Thị L có đơn xin cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 284, tờ bản đồ số 17. Ngày 10/7/2007, UBND xã H xác nhận: nguồn gốc đất giao theo Nghị định 64-CP; tình trạng tranh chấp: không có tranh chấp; phù hợp với quy hoạch của địa phương. Do vậy, thửa đất đủ điều kiện cấp đổi Giấy chứng nhận. Ngày 02/11/2007, UBND huyện ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đình T1 và bà Đình Thị L gồm các thửa đất: 210; **284**; 286; 337; 359; 495; 730 tờ bản đồ số 17, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số phát hành AI 699383, số vào sổ H 00387.

Thứ ba, ông Đình X cho rằng năm 2000, gia đình ông được thôn V, xã H giao một thửa đất (tại vị trí thửa đất hiện đang tranh chấp). Nhưng tại vị trí thửa đất tranh chấp, năm 1995 ông Đình T1 và bà Đình Thị L đã được giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ những căn cứ trên, việc ông Đình X yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Đình T1 và bà Đình Thị L là không có cơ sở.

** Anh Đình Thanh H (người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Đình T1 và bà Đình Thị L) trình bày ý kiến:*

Thửa đất 284 tờ bản đồ số 17, diện tích là 755 m² thuộc đất sản xuất nông nghiệp. Đất của gia đình anh được thôn và xã cấp và gia đình đã sản xuất từ năm 1990 đến năm 2000, nhưng do đất trồng cây không hiệu quả và bố anh đau ốm trong thời gian dài nên gia đình không sản xuất nữa và cho ông Đình Xuyên m để trồng trọt từ đó, không có giấy tờ gì. Sau này gia đình anh có đòi lại thửa đất nói trên nhưng ông X không trả lại mà còn đe dọa nhiều lần làm gia đình sợ không đòi lại nữa. Việc ông X yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chiếm đoạt đất của gia đình anh là trái với pháp luật, anh không chấp nhận.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: UBND xã H trình bày tại Công văn số 521/UBND ngày 10/10/2022 và Văn bản số 201/UBND ngày 10/5/2023:*

- UBND xã ủy quyền cho trưởng thôn chia đất cho các hộ dân là không có căn cứ vì không có hồ sơ lưu tại xã và đã trải qua nhiều nhiệm kỳ. Nhưng qua nắm bắt ý kiến người dân trong thôn V thì thực tế sử dụng đất tại thửa đất số 284, tờ bản đồ số 17, bản đồ địa chính xã H hộ ông Đình X và ông Đình D sử dụng.

- Sổ mục kê, sổ địa chính trong thời kỳ những năm 2000 không có, năm 2007 mới có đơn vị đo đạc bản đồ địa chính cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 284, tờ bản đồ số 17 quy chủ cho hộ gia đình ông Đình Thăng .1

- Quá trình lập hồ sơ, xét duyệt cấp đất cho hộ ông Đinh T1 và bà Đinh Thị L tại thửa đất số 284, tờ bản đồ số 17, theo đúng quy định của pháp luật nhưng do tiến hành cấp đồng loạt nhiều thửa đất, do đó có sai sót trong việc cấp giấy chứng nhận tại thửa đất nói trên.

Trên thực tế thửa 284, tờ bản đồ số 17 xã H có hai hộ đang sử dụng là ông Đinh D và ông Đinh Xuyên .2 Năm 2020, U vào hiện trạng đã làm thủ tục trích đo và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể thửa 284, tờ bản đồ 17 tách thành hai thửa: Thửa 287, tờ bản đồ số 17 với diện tích 306,6 m² do hộ ông Đinh D, bà Đinh Thị T3 sử dụng và thửa 284, tờ bản đồ số 17 diện tích 405,8 m² do hộ gia đình ông Đinh X, bà Trần Thị P sử dụng. UBND xã H xác nhận nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp để Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xem xét giải quyết theo quy định.

- Ngày 05/6/2023, UBND xã H có văn bản số 238/UBND hủy văn bản số 210/XN-UBND ngày 10/5/2023. Lý do: Ủy ban nhân dân xã sau khi kiểm tra hồ sơ nhận thấy không đủ căn cứ để xác nhận nguồn gốc đất của các hộ sử dụng, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình căn cứ để giải quyết.

Theo yêu cầu của ông Đinh X, ngày 21/3/2023 Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ hiện trạng sử dụng đất và định giá tài sản trên đất đang tranh chấp. Hiện trạng có cây ngô sắp thu hoạch của hai hộ ông Đinh X và ông Đinh Dạ .3

+ Về giá đất sản xuất nông nghiệp thuộc vị trí 1 tại xã H có giá trị 20.000 đồng/m²; Cây ngô sắp thu hoạch có giá 8.200 đồng/m² x 321m² = 2.632.200 đồng.

+ Các đương sự đồng ý, không ai có yêu cầu xem xét thẩm định và định giá lại.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2023/HC - ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 3, Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116, Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 24 Luật Đất đai năm 1993; Điều 50, 52, Điều 123 Luật Đất đai năm 2003; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đinh X và bà Trần Thị P về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AI 699383, số vào sổ H 00387 do UBND huyện M cấp ngày 02/11/2007 cho ông Đinh T1 và bà Đinh Thị L tại thửa đất số 284 tờ bản đồ số 17, tại Đ, thôn V, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/9/2023, người khởi kiện kháng cáo đề nghị huỷ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đinh X giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Đinh X đúng thủ tục và trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ông Đinh T1 và bà Đinh Thị L được UBND huyện M cấp GCNQSDĐ số phát hành AI 699383, sổ vào sổ H 00387 ngày 02/11/2007 tại thửa đất số 284, tờ bản đồ số 17 tại xã H. Năm 2021 ông Đinh X và bà Trần Thị P phát hiện việc UBND huyện M cấp GCNQSDĐ cho ông Đinh T1 và bà Đinh Thị L làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, bà. Do đó, năm 2022 ông X, bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông Đinh T1 và bà Đinh Thị Lưu. Như vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo:

[3.1] Về nguồn gốc thửa đất tranh chấp:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án thì: Thực hiện Nghị định số 64/NĐ-CP ngày 27/9/1995 của Chính phủ, năm 1995, hộ ông Đinh T1 được giao đất để sản xuất nông nghiệp tại thửa đất số 284, tờ bản đồ số 17, diện tích 755 m²; địa chỉ tại thôn V, xã H, huyện M, tỉnh Quảng Bình và được UBND huyện M cấp Giấy chứng nhận QSD đất số phát hành D 0541071, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ 638, ngày cấp 26/9/1995 (theo Biên bản xác minh ngày 17/8/2023 tại UBND xã H thì địa chỉ thửa đất cấp năm 1995 ghi: thôn T, xã H, huyện M nay được đổi thành thôn V, xã H, huyện M).

Năm 2007 ông bà Đinh T1 và Đinh Thị L có đơn xin cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất, lý do cấp đổi là do đo đạc lại thành tờ bản đồ địa chính số 17, thửa đất số 284, diện tích 755 m² đất BHK. Ngày 10/7/2007, UBND xã H xác nhận: nguồn gốc đất giao theo Nghị định 64/NĐ-CP của Chính phủ; tình trạng tranh chấp: không có tranh chấp, khiếu nại; phù hợp với quy hoạch của địa phương. Xét thấy, thửa đất đủ điều kiện cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất nên ngày 02/11/2007 UBND huyện M ký cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông

Đình T1 và bà Đình Thị L gồm các thửa: 210, **284**, 286, 337, 359, 495, 730 tờ bản đồ số 17, Giấy chứng nhận QSD đất có số phát hành AI 699383, số vào sổ H 00387 theo quy định của Luật Đất đai năm 2003.

[3.2] Ông Đình X cho rằng năm 2000, gia đình ông được thôn V, xã H giao cho một thửa đất (tại thửa đất 284 vị trí đất hiện đang tranh chấp), vấn đề này, trước đó UBND xã H có xác định gia đình ông X sử dụng tại thửa đất số 284, tờ bản đồ số 17 ổn định từ năm 2000 không có tranh chấp. Tuy nhiên Ủy ban nhân dân xã sau khi kiểm tra hồ sơ nhận thấy không đủ căn cứ để xác nhận nguồn gốc đất của các hộ sử dụng và đã hủy nội dung nêu trên.

Mặt khác theo quy định của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân xã, T4 không có thẩm quyền giao đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Tại thời điểm này, thửa đất trên đã được cấp hợp pháp cho hộ ông T1 từ năm 1995.

Tại thời điểm ông Đình T1 làm đơn xin cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất, ông Đình X và bà Trần Thị P cũng làm đơn đề ngày 29/4/2007 xin cấp đổi và được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cùng ngày 02/11/2007 với ông bà Đình T1 - Đình Thị L, tuy nhiên trong đơn xin cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất của ông Đình X không có thửa đất số **284**, tờ bản đồ số 17, tại Đ mà ông Đình X và bà Trần Thị P xin được cấp thửa đất số 278, tờ bản đồ số 17, diện tích 380 m² đất BHK gần sát với thửa 284. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận QSD đất, ông X không có ý kiến gì, ông X có đơn xin cấp đổi thửa đất số 278 theo đúng trình tự thủ tục quy định.

Như vậy hộ ông X cũng không kê khai thửa đất trên theo quy định và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc ông được cơ quan có thẩm quyền giao hay cấp thửa đất nói trên theo đúng quy định của pháp luật.

Từ phân tích nhận định trên, thấy rằng việc UBND huyện M cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất số AI 699383 ngày 02/11/2007 cho ông bà Đình T1 – Đình Thị L là đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục và có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[3.3] Theo thông tin UBND xã cung cấp thì tại xã H đo vẽ lại bản đồ địa chính năm 2020 đã tách thửa 284, tờ bản đồ 17 thành hai thửa: thửa 287, tờ bản đồ số 17 với diện tích 306,6 m² do hộ ông Đình D, bà Đình Thị T2 sử dụng và thửa 284, tờ bản đồ số 17 diện tích 405,8 m² do hộ gia đình ông Đình X, bà Trần Thị P sử dụng. Việc chỉnh lý bản đồ không căn cứ vào hồ sơ cấp GCNQSDĐ mà chỉ căn cứ vào hiện trạng sử dụng là không đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm kiến nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M kiểm tra hồ sơ và các tài liệu địa chính khác để chỉnh lý bản đồ theo đúng quy định.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông Đình X và bà Trần Thị P về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AI 699383, số vào sổ H 00387 do UBND huyện M cấp ngày 02/11/2007 cho ông Đình T1 và bà Đình Thị L là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Tại giai đoạn phúc thẩm, người kháng cáo ông Đinh X không cung cấp thêm các tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình, do đó Toà án cấp phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do bác kháng cáo của người khởi kiện nên ông Đinh X phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Đinh X, bà Trần Thị P, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2023/HC - ST ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đinh X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0005545.

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp